TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/3/2019
Về việc: "Ly hôn, nuôi con"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Đức Tín**
Ông **Lê Quang Thìn**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Ông **Hà Văn Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 449/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc "*Ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ: Đội 3, ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh B.
Bị đơn: Anh Trần Hữu H, sinh năm 1967 (bị đơn)
Địa chỉ: Đội 3, ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Trần Hữu H chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau, mỗi lần anh H uống rượu say thường hay có những lời lẽ xúc phạm và đánh đập chị N. Điều đó làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Nay, chị N xác định tình cảm dành cho anh H đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Hữu H.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị N và anh H có 03 con chung tên: Trần Xuân N, sinh năm 1993; Trần Thị Hoài P, sinh năm 1996 và Trần Thị Thu T, sinh năm 2004. Do cháu N và cháu P đã trên 18 tuổi nên khi ly hôn chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được nuôi cháu T và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị N không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Trần Hữu H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thâm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

- Về nội dung:

+Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Trần Hữu H.

+ Về con chung : Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trần Thị Thu T, sinh năm 2004 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1.Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2018, nguyên đơn là chị Lê Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Hữu H và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Trần Hữu H cư trú tại đội 3, ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã giao (Niêm yết) Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn chị Lê Thị N và bị đơn là anh Trần Hữu H nhưng anh Hvẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét cần áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Trần Hữu H.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Trần Hữu H chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2002. Xét thấy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không có sự cảm thông chia sẻ những khó khăn xảy ra trong cuộc sống gia đình, không đồng nhất quan điểm sống, anh H không tôn trọng chị N, điều đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng và hạnh phúc gia đình, bản thân chị N và anh H không tìm được cách khắc phục nên đã sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không tham gia mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, điều này chứng tỏ anh H cũng không có thiện chí cùng chị N đoàn tụ gia đình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị N xin được ly hôn với anh Trần Hữu H là có cơ sở được chấp nhận. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Trần Hữu H là phù hợp.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị N và anh H có 03 con chung tên: Trần Xuân N, sinh năm 1993; Trần Thị Hoài P, sinh năm 1996 và Trần Thị Thu T, sinh năm 2004. Do cháu N và cháu P đã trên 18 tuổi nên khi ly hôn chị Nyêu cầu Tòa án giải quyết được nuôi cháu T. Xét yêu cầu của chị N là có cơ sở cần được chấp nhận, bởi lẽ chị N có công việc và có thu nhập ổn định đủ để nuôi con. Yêu cầu của chị N phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Mặt khác cháu T là con gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do vậy, căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Trần Thị Thu T, sinh năm 2004 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3]Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viên kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

***1. Về hôn nhân*:** Tuyên xử cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Trần Hữu H .

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thu T, sinh năm 2004 cho đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng***),** chị Lê Thị N phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010555, quyển số 0212 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
-UBND xã T;
-Các đương sự;
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương